

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty : Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không (VNI)
Trụ sở chính : Tầng 15, Tòa Nhà Geleximco, 36 Hoàng cầu, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại : 04.6276 5555
Fax : 04.6276 5556
Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Hoàng Mai
Địa chỉ: P1208, Nhà CT3C- X2 Bắc Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0938.242888
Fax

Loại thông in công bố: ☐ 24h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính năm quý I năm 2019

Các nội dung nêu trên được đăng tải tại trang thông tin của VNI theo đường dẫn:
<https://bhhk.com.vn/bao-cai-tai-chinh.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2019

Người thực hiện công bố thông tin


Nguyễn Hoàng Mai

Tài liệu gửi kèm:

Báo cáo tài chính năm quý I năm 2019

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 1

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

 Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
 Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

MẪU SỐ B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150+190)	100		1,399,292,048,380	1,560,857,895,296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	85,805,070,527	107,917,551,189
1. Tiền	111		55,805,070,527	107,917,551,189
2. Các khoản tương đương tiền	112		30,000,000,000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	454,324,116,748	435,833,184,691
1. Đầu tư ngắn hạn	121		454,641,792,800	441,279,708,427
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(317,676,052)	(5,446,523,736)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		496,690,966,406	648,653,646,671
1. Phải thu khách hàng	131		194,408,171,672	202,005,724,924
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1	7	140,405,528,779	152,648,147,569
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2	8	54,002,642,893	49,357,577,355
2. Trả trước cho người bán	132		5,437,519,063	3,446,179,215
3. Các khoản phải thu khác	135	9	334,546,521,118	480,750,919,639
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	10	(37,701,245,447)	(37,549,177,107)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		20,677,135,558	20,784,592,734
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	20,286,988,843	20,430,695,900
1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	151.1		18,949,057,760	19,196,393,606
1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác	151.2		1,337,931,083	1,234,302,294
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		390,146,715	272,696,039
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	81,200,795
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
V. Tài sản tái bảo hiểm	190	12	341,794,759,141	347,668,920,011
1. Dự phòng phí, dự phòng toán học nhượng tái bảo hiểm	191		129,054,847,810	137,684,464,202
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192		212,739,911,331	209,984,455,809
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		584,724,951,333	380,091,557,385
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11,017,068,124	11,266,790,174
1. Phải thu dài hạn khác	218	9	11,017,068,124	11,266,790,174
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		7,000,000,000	7,000,000,000
1.2. Ký quỹ, ký cược khác	218.2		4,017,068,124	4,266,790,174
II. Tài sản cố định	220		5,525,955,182	5,561,871,067
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5,192,788,817	5,200,348,492
Nguyên giá	222		22,320,355,283	21,908,355,283
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17,127,566,466)	(16,708,006,791)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	333,166,365	361,522,575
Nguyên giá	228		1,750,350,000	1,750,350,000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,417,183,635)	(1,388,827,425)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	6	566,347,117,329	359,108,117,329
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		233,970,681,850	55,550,000,000
2. Đầu tư dài hạn khác	258		332,754,000,000	303,935,681,850
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(377,564,521)	(377,564,521)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1,834,810,698	4,154,778,815
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,834,810,698	4,154,778,815
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,984,016,999,713	1,940,949,452,681

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019

Mẫu số B 01a-DNPNT

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,167,112,949,670	1,124,389,779,932
I. Nợ ngắn hạn	310		1,161,597,739,441	1,114,571,133,662
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả cho người bán	312		163,544,832,545	164,870,126,916
2.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1	15	161,785,080,342	163,126,255,175
2.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		1,759,752,203	1,743,871,741
3. Người mua trả tiền trước	313		8,796,637,253	8,772,549,146
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	10,916,851,539	8,586,116,671
5. Phải trả người lao động	315		18,130,777,716	22,978,019,498
6. Chi phí phải trả	316		26,228,800	30,000,000
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	5,525,499,187	2,538,431,276
8. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1	17	34,451,271,535	37,375,138,555
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		291,564,381	344,610,336
10. Dự phòng nghiệp vụ	329	18	919,914,076,485	869,076,141,264
10.1. Dự phòng phí, dự phòng toán học bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	329.1		502,940,999,268	474,311,275,860
10.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc nhận tái bảo hiểm	329.2	và	368,485,926,797	348,437,391,535
10.3. Dự phòng dao động lớn, dự phòng đảm bảo cân đối	329.3		48,487,150,420	46,327,473,869
II. Nợ dài hạn	330		5,515,210,229	9,818,646,270
1. Phải trả dài hạn khác	333		6,000,000	6,000,000
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		5,509,210,229	9,812,646,270
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		816,904,050,043	816,559,672,749
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	816,904,050,043	816,559,672,749
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		800,000,000,000	800,000,000,000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		11,285,363,693	11,263,840,112
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5,618,686,350	5,295,832,637
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1,984,016,999,713	1,940,949,452,681

Nguyễn Thị Quỳnh Trang

Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2019

Nguyễn Hoàng Mai

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởng



Trần Trọng Dũng

Trần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018 (Phân loại lại)	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2018 (Phân loại lại)
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	191,688,820,357	131,237,251,625	191,688,820,357	131,237,251,625
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	18,733,379,975	16,210,600,018	18,733,379,975	16,210,600,018
3. Thu nhập khác	13	96,186,586	114,060,482	96,186,586	114,060,482
4. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	181,376,760,109	128,384,886,595	181,376,760,109	128,384,886,595
5. Chi phí hoạt động tài chính	22	(2,267,678,458)	1,916,176,548	(2,267,678,458)	1,916,176,548
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	30,966,596,085	23,039,594,501	30,966,596,085	23,039,594,501
7. Chi phí khác	24	12,237,565	648,732	12,237,565	648,732
8. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50 = 10+12+13-20-22-23-24)	50	430,471,617 0	(5,779,394,251) 0	430,471,617	(5,779,394,251)
9. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50)	60	344,377,294	(5,779,394,251)	344,377,294	(5,779,394,251)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu

Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG:

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018 (Phân loại lại)	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2018 (Phân loại lại)
1. Doanh thu phí bảo hiểm (01=01.1+01.2-01.3)	01	20	230,217,639,855	170,280,503,786	230,217,639,855	170,280,503,786
- Phí bảo hiểm gốc	01.1		256,551,546,242	195,232,110,902	256,551,546,242	195,232,110,902
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		2,295,817,021	5,990,776,435	2,295,817,021	5,990,776,435
- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	01.3		28,629,723,408	30,942,383,551	28,629,723,408	30,942,383,551
2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02=02.1-02.2)	02	21	51,509,319,945	52,486,060,412	51,509,319,945	52,486,060,412
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		42,879,703,553	60,639,154,425	42,879,703,553	60,639,154,425
- Tăng/(giảm) dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		(8,629,616,392)	8,153,094,013	(8,629,616,392)	8,153,094,013
3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03= 01 - 02)	03		178,708,319,910	117,794,443,374	178,708,319,910	117,794,443,374
4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04		12,980,500,447	13,442,808,251	12,980,500,447	13,442,808,251
(04 = 04.1 + 04.2)			-	-		
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		12,943,407,219	13,019,877,856	12,943,407,219	13,019,877,856
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		37,093,228	422,930,395	37,093,228	422,930,395
5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03 + 04)	10		191,688,820,357	131,237,251,625	191,688,820,357	131,237,251,625
6. Chi bồi thường (11= 11.1 - 11.2)	11		68,718,765,988	55,421,177,973	68,718,765,988	55,421,177,973
- Tổng chi bồi thường	11.1		68,718,765,988	55,421,177,973	68,718,765,988	55,421,177,973
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		21,140,949,295	19,419,576,915	21,140,949,295	19,419,576,915
8. Tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	13		20,048,535,262	13,725,434,844	20,048,535,262	13,725,434,844
9. Tăng/(Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		2,755,455,522	(1,474,307,296)	2,755,455,522	(1,474,307,296)
10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 - 12 + 13 - 14)	15	22	64,870,896,433	51,201,343,198	64,870,896,433	51,201,343,198
11. Tăng dự phòng dao động lớn và dự phòng đảm bảo cân đối	16		2,159,676,551	1,405,837,286	2,159,676,551	1,405,837,286
12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2)	17	23	114,346,187,125	75,777,706,111	114,346,187,125	75,777,706,111
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		8,874,564,892	8,052,075,546	8,874,564,892	8,052,075,546
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		105,471,622,233	67,725,630,565	105,471,622,233	67,725,630,565
13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)	18		181,376,760,109	128,384,886,595	181,376,760,109	128,384,886,595
			0	0		
14. LN (Lỗ) gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 - 18)	19		10,312,060,248	2,852,365,030	10,312,060,248	2,852,365,030

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (Tiếp theo)

Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 02a-DNPNT

Đơn vị: VND

PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1 năm 2019	Quý 1 năm 2018 (Phân loại lại)	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2019	Lũy kế từ đầu năm đến hết Quý 1/2018 (Phân loại lại)
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	24	18,733,379,975	16,210,600,018	18,733,379,975	16,210,600,018
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	25	(2,267,678,458)	1,916,176,548	(2,267,678,458)	1,916,176,548
17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)	25		21,001,058,433	14,294,423,470	21,001,058,433	14,294,423,470
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	30,966,596,085	23,039,594,501	30,966,596,085	23,039,594,501
19. LN (Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 25 - 26)	30		346,522,596	(5,892,806,001)	346,522,596	(5,892,806,001)
20. Thu nhập khác	31		96,186,586	114,060,482	96,186,586	114,060,482
21. Chi phí khác	32		12,237,565	648,732	12,237,565	648,732
22. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		83,949,021	113,411,750	83,949,021	113,411,750
23. Tổng LN (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		430,471,617	(5,779,394,251)	430,471,617	(5,779,394,251)
24. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		86,094,323	-	86,094,323	-
25. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
24. LN (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		344,377,294	(5,779,394,251)	344,377,294	(5,779,394,251)

Nguyễn Thị Quỳnh Trang
Người lập biểu

Nguyễn Hoàng Mai
Kế toán trưởngTrần Trọng Dũng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2019

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNGTầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính Quý 1**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

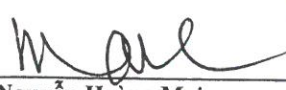
Quý 1 cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MẪU SỐ B 03a-DNPNT

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	513,283,603,811	279,679,481,191
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(252,960,433,822)	(214,744,196,531)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(43,946,603,592)	(33,804,319,198)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	(1,813,440,979)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7,342,978,164	12,912,015,604
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(24,506,387,475)	(22,505,891,286)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	199,213,157,086	19,723,648,801
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(412,000,000)	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(44,000,000,000)	(164,000,380,693)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	14,000,000,000	106,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(192,239,000,000)	(88,433,686,000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,332,150,896	315,930,796
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(221,318,849,104)	(146,118,135,897)
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(79,546,608,317)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(79,546,608,317)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(22,105,692,018)	(205,941,095,413)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	107,917,551,189	288,666,117,694
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá	61	(6,788,644)	7,240,194
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60-61)	70	85,805,070,527	82,732,262,475


 Nguyễn Thị Quỳnh Trang
 Người lập biểu


 Nguyễn Hoàng Mai
 Kế toán trưởng


 Trần Trọng Dũng
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 04 năm 2019

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 49/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp lần đầu ngày 23 tháng 4 năm 2008 và các Giấy phép điều chỉnh. Theo Giấy phép điều chỉnh số 49/GPDDC15/KDBH, từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng không (gọi tắt là "Tổng Công ty"). Vốn điều lệ của Tổng Công ty Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 là 800 tỷ VND.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2019 là 923 người (ngày 31 tháng 12 năm 2018: 901 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty gồm kinh doanh dịch vụ bảo hiểm và kinh doanh dịch vụ tài chính

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, các nghiệp vụ về tái bảo hiểm và đầu tư tài chính.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và ba mươi ba (33) Công ty trực thuộc, bao gồm: Công ty Bảo hiểm Hàng không Hà Nội, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đà Nẵng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nghệ An, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Phòng, Công ty Bảo hiểm Hàng không Hải Dương, Công ty Bảo hiểm Hàng không Tây Nguyên, Công ty Bảo hiểm Hàng không Nam Hồng Hà, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thăng Long, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Ninh, Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Đô, Công ty Bảo hiểm Hàng không Quảng Bình, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bắc Giang, Công ty Bảo hiểm Hàng không Thanh Hóa, Công ty Bảo hiểm Hàng không Vĩnh Phúc, Công ty Bảo hiểm Hàng không Bình Định, và Công ty Bảo hiểm Hàng không Đông Nam Bộ, Công ty Bảo hiểm Hàng không Sài Gòn, Công ty Bảo hiểm Hàng không Khánh Hòa, Bảo hiểm Hàng không Nam Tây Nguyên, Bảo hiểm Hàng không Quảng Ngãi, Bảo hiểm Hàng không Thủ đô, Bảo hiểm Hàng không Tây Nam Bộ, Bảo hiểm Hàng không Tân Sơn Nhất, Bảo hiểm Hàng không Thành Đô, Bảo hiểm Hàng không Bến Thành, Bảo hiểm Hàng không Long An, Sở Giao dịch, Bảo hiểm Hàng không Tây Bắc, Bảo hiểm Hàng không Trảng An, Bảo hiểm Hàng không Hà Thành, Bảo hiểm Hàng không Vũng Tàu và Sở Giao dịch 2.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của báo cáo tài chính Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Tầng 15, tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu
Đống Đa, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính Quý 1
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DNPNT**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 15 tháng 5 năm 2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 50/2017/TT-BTC (“Thông tư 50”) hướng dẫn thi hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm. Thông tư 50 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2017. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã áp dụng các quy định tại Thông tư 50 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính Quý 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:
Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính giả, định đặt ra.

Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm và tài sản tài chính khác.